TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 278/2025/HC-PT
Ngày: 30 - 5 - 2025
V/v: "khiếu kiện quyết định hành chính trong việc áp dụng biện pháp buộc tháo dỡ nhà ở, công trình, vật kiên cố khác"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Tấn Long**.**

- *Các Thẩm phán:* ông Lê Văn Thường và ông Phạm Tồn

- Thư ký phiên tòa: ông Đinh Tiến Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Ngô Ý Nhi, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 129/2025/TLPT-HC ngày 17 tháng 03 năm 2025 về "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai". Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 22/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉNh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1316/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1- Người khởi kiện: ông Trần Đức C, sinh năm: 1955; địa chỉ: A Đ, tổ B, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

2- Người bị kiện:

+ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Trung C1 – Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q. Theo Văn bản ủy quyền số 743/QĐ-VPĐKĐ ngày 05/7/2024; địa chỉ: E P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Q.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn L – Phó Chủ tịch UBND thành phố Q. Theo Văn bản ủy quyền số 4683/QĐ-UBND ngày 25/10/2024; địa chỉ: D H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: bà Lê Thị Kim C2 – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q; địa chỉ: D N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Ủy ban nhân dân phường N.

+ Chủ tịch UBND phường N.

Cùng địa chỉ: B N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q, chi nhánh thành phố Q.

Người đại diện theo pháp luật: bà Trịnh Thị Thu H, Giám đốc, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm: 1955; địa chỉ: A Đ, tổ B, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; uỷ quyền cho ông Trần Đức C, có mặt.

4- Người kháng cáo: ông Trần Đức C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

*Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2024, các đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà người khởi kiện trình bày:

Thông báo số 3158/TB-CNTPQN ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc trả hồ sơ không giải quyết của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Q không đúng quy định, bởi vì:

Thứ nhất: Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Q xác định sai yêu cầu về cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ của ông.

Ngày 27/9/2023, ông có làm đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất gửi đến Văn phòng ĐKĐĐ - Chi nhánh thành phố Q đối với thửa đất số 1387, tờ bản đồ số 1, diện tích 173,3m2 tại địa chỉ phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.Trong đơn đề nghị này ông có ghi rõ lý do cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận là do cấp sai về chiều rộng ở đầu phía Đông đối với thửa đất của ông. Đồng thời ông có ghi rõ thông tin về diện tích trước và sau khi thay đổi của thửa đất vẫn giữ nguyên (173,3m2).Thế nhưng trong Thông báo về việc trả hồ sơ không giải quyết chỉ căn cứ vào nội dung xác nhận của UBND phường N để trả lại hồ sơ cho ông là không đúng quy định.

Thứ hai: Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Q căn cứ vào xác nhận của UBND phường N tại bản mô tả, ranh giới, mốc giới thửa đất và tại đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi theo mẫu 10/Đk để trả lại hồ sơ cho ông là chưa chính xác. Bởi vì:

Ông nộp hồ sơ xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoàn toàn không liên quan đến diện tích 16,4m2 đất đường đi trong Quyết định 3764/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của UBND thành phố Q.Theo Quyết định số 3764/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại về phần diện tích tăng thêm 16,4m2 là nằm trong phần đường đi phía Bắc. Sở dĩ có phần 16,4m2 là vì sau khi đo đạc hợp 02 thửa đất có diện tích tăng lên 16,4m2 ngoài diện tích đã cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông. Diện tích đất tăng thêm này nằm ở phía Đông, phía Nam và phía Tây của thửa đất có diện tích 173,3m2 mà ông yêu cầu cấp đổi, cấp lại chứ không phải nằm trong diện tích thửa đất 173,3m2.

Trong khi đó, phần diện tích ông yêu cầu cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận là phần diện tích thuộc thửa 1387, tờ bản đồ số 1, diện tích 173,3m2, đã được Phòng T thành phố vẽ trích lục bản đồ địa chính, vị trí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/12/2005 và được UBND thành phố cấp GCNQSDĐ ngày 30/12/2005 với phần phía Đông có cạnh là 5,6m, chứ không phải chiều rộng ở đầu Đông theo giấy mua bán ngày 10/10/1995 của ông, tổng cộng là 5,6m dẫn đến chiều rộng ở đầu Đông thửa đất của ông bị thiếu mà chiều dài ở đầu Đ lại tăng lên. Từ đó làm cho kích thước thửa đất đã bị sai lệch (có trích lục bản đồ năm 2005, giấy mua bán ngày 10/10/1995).

Tại mục 4.1 và 4.2 trong đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi theo mẫu số 10/Đk ông đã trình bày rất rõ ràng về diện tích thửa đất đã cấp là 173,3m2 và phần thông

tin thửa đất mới cũng là 173,3m2. Hơn nữa, phần diện tích 16,4m2 này nằm ngoài diện tích thửa đất ông yêu cầu cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ.

Từ đó cho thấy ông không hề có yêu cầu về việc cấp thêm diện tích đất 16,4m2 như trong phần xác nhận của UBND phường N đã xác nhận. Bên cạnh đó, nếu ông có yêu cầu cấp thêm phần diện tích 16,4m2 vào phần diện tích 173,3m2 thì phần diện tích ông yêu cầu và ghi trong đơn sẽ là 189,7m2 (173,3m2 + 16,4m2) chứ không phải là 173,3m2 như trong đơn đề nghị ngày 27/9/2023.

Việc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Q ban hành Thông báo số 3158/TB-CNTPQN ngày 22/12/2023 về việc trả hồ sơ không giải quyết đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Phần đất trên thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông, việc cấp đổi, cấp lại không làm thay đổi diện tích thửa đất nhưng lại không thực hiện được.

Tại Quyết định số 3764/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Q kết luận phần diện tích tăng thêm so với tổng diện tích đất được cấp của 02 GCNQSD đất thửa đất số 1387 và thửa số 2350 là 16,4m2 (218,1m2 – 201,7m2) chưa đủ điều kiện cấp GCNQSD đất vì phần diện tích tăng thêm là đất đường đi phía Bắc chứ không phải đất của ông C.

Qua đo đạc thực tế của Văn phòng Đ – Chi nhánh thành phố Q, hai thửa đất số 1387 và thửa 2350, tờ bản đồ số 1 có kích thước chiều dài và các cạnh: cạnh phía Nam tiếp giáp nhà ông T là 38,92m tăng so với diện tích cấp giấy là 0,64m (38,92m – 38,28m); cạnh phía Bắc giáp đường đi là 36,01m tăng so với diện tích cấp giấy là 0,38m (35,01m – 34,63m). Kết quả đo đạc này không chính xác bởi vì:

Về phần cạnh phía Nam hai thửa đất của ông không hề tiếp giáp nhà ông Dương Ngọc T mà tiếp giáp thửa đất số 340 của bà Đinh Thị N, điều này đã được thể hiện trong GCNQSDĐ cả 02 thửa đất trên và sơ đồ vị trí được Sở xây dựng tỉnh Q đo vẽ ngày 20/6/1994, trích lục bản đồ địa chính cả 02 thửa năm 2005 và 2015.

GCNQSD đất thửa đất số 2350, tờ bản đồ số 1 thể hiện ở cạnh Đông thửa đất tiếp giáp thửa 1387 nên cạnh phía Nam của 02 thửa đất có chiều dài là 33,3m +4,98m = 38,28m chứ không phải là 38,92m như kết quả đo đạc ngày 31/8/2021 của Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Q – Chi nhánh thành phố Q. Phần tăng thêm 0,64m ở cạnh Nam là phần tăng ở phía Tây của 02 thửa đất trên.

Phần cạnh phía Bắc giáp với đường đi hai thửa đất: Đường đi ở đầu phía Đông vẫn có chiều rộng 3m (chéo) còn đường đi ở đầu phía Tây vẫn có chiều

rộng 5,25m. Diện tích của đường đi phía Bắc được giữ nguyên không hề bị lấn chiếm. Theo GCNQSD đất và trích lục bản đồ địa chính năm 2005 thửa đất số 1387 phần chiều dài phía Bắc là 30,1m; theo GCNQSD đất và trích lục bản đồ địa chính năm 2015 thửa đất số 2350 phần chiều dài phía Bắc là 4,54m; tổng chiều dài phía Bắc của hai thửa là 30,1m +4,54m = 34,64m. Từ đó phần chiều dài phía Bắc giáp với đường đi không tăng thêm lên 0,38m (đo đạc thực tế ngày 31/8/2021 là 36,01m). Phần tăng 0,38m này nằm ở phía Tây của hai thửa đất.

Như vậy, Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố Q cho rằng phần diện tích tăng thêm hai thửa đất của ông thuộc phần đất đường đi phía Bắc là không có căn cứ vì tổng diện tích hai thửa đất của ông vẫn giữ nguyên là 173,3m2 + 28,4m2 = 201,7m2.

Phần diện tích tăng thêm 16,4m2: Một phần nằm ở phía Nam của thửa đất 1387 tờ bản đồ số 1 nằm trong giấy mua bán ngày 02/6/1994 (có chứng thực) và trong giấy mua bán viết tay ngày 30/12/2005 của ông với bà N. Một phần còn lại nằm ở phía Tây của thửa đất 2350 tờ bản đồ số 1 của ông cũng nằm trong giấy bán ngày 02/6/1994. Do đó, phần diện tích tăng thêm này không nằm trong tổng diện tích 02 thửa đất số 1387 và 2350 đã được cơ quan nhà nước cấp GCNQSD đất và cũng không nằm trong phần đường đi phía Bắc.

Việc UBND phường N có công văn số 21/UBND ngày 24/01/2022 trả lời hồ sơ hợp thửa của ông gửi đến Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh - Chi nhánh thành phố Q không chính xác, bởi vì ông không tự ý lấn chiếm đất của ai cả, phần diện tích đất trên là của gia đình ông. Do đó, việc UBND phường N trả hồ sơ hợp thửa của ông là không đúng, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét, giải quyết hủy các quyết định hành chính:

- Công văn số 21/UBND ngày 24/01/2022 của UBND phường N về việc trả hồ sơ hợp thửa của ông Trần Đức C;

- Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của Chủ tịch UBND phường N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu;

- Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND thành phố Q;

- Tuyên bố hành vi hành chính của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q về việc trả hồ sơ không giải quyết cho ông Trần Đức C tại Thông báo số 3158/TB-CNTPQN ngày 22/12/2023 là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q thực hiện nhiệm vụ công vụ tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 1387, tờ bản đồ số 1, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho ông Trần Đức C theo đúng quy định của pháp luật.

*Tại Công văn số 4330/UBND-NC ngày 04/11/2024, Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Q trình bày:

Theo đơn khiếu nại đề ngày 17/4/2023 và kết quả làm việc với Cơ quan UBKT - Thanh tra (nay là Thanh tra thành phố) vào ngày 15/5/2023, ngày 22/6/2023, ông Trần Đức C khiếu nại Công văn số 21/UBND ngày 24/01/2022 của UBND phường N về việc trả hồ sơ hợp thửa của ông Trần Đức C. Lập luận và căn cứ của người khiếu nại: (1) Việc UBND phường N áp dụng vào khoản 4 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ để họp dân lấy ý kiến đối với phần diện tích tăng thêm 16,4m2 là sai; (2) Nội dung Công văn số 21/UBND ngày 24/01/2022 của UBND phường N có nêu ngày 16/12/2021 UBND phường có nhận đơn tập thể nhân dân sinh sống trên trục đường hẻm bê tông Khách sạn Đ1, thuộc tổ B cho rằng ông Trần Đức C tự ý lấn chiếm, trồng cây, xây dựng đến sát con đường là hành vi vu khống cho ông chiếm đất.

Diễn biến vụ việc và kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND phường N:

- Ngày 19/8/2021, ông Trần Đức C nộp hồ sơ đề nghị hợp 02 thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 00481, thửa số 1387, tờ bản đồ số 1, đo vẽ năm 1993, diện tích 173,3m2, loại đất ODT và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 06568, thửa số 2350, tờ bản đồ số 1, đo vẽ năm 1993, diện tích 28,4m2, loại đất BHK được chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hằng năm khác sang đất ở đô thị 28,4m2 theo Quyết định số 7056/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của UBND thành phố được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh - Chi nhánh thành phố chỉnh lý ngày 10/01/2017.

- Ngày 31/8/2021, Nhân viên Văn phòng Đ - Chi nhánh thành phố phối hợp với Công chức Địa chính - Xây dựng phường N kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của ông Trần Đức C, thuộc thửa đất số 165, tờ bản đồ số 23 (bản đồ đo vẽ năm 2016), theo bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất có tổng diện tích sau khi đo đạc là 218,1m2, tăng 16,4m2 so với 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp sau khi hợp 02 thửa đất nêu trên (173,3m2 + 28,4m2 = 201,7m2).

Qua đo đạc thửa đất của ông Trần Đức C chưa được cấp đổi theo bản đồ năm 2016 và diện tích đo đạc hiện trạng tăng 16,4m2 so với 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp nên để có cơ sở giải quyết hồ sơ cho ông Trần Đức C đảm bảo đúng quy định, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh - Chi nhánh thành phố chuyển hồ sơ đến UBND phường N để lấy ý kiến đối với phần diện tích tăng 16,4m2.

- Ngày 27/10/2021, ngày 24/01/2022, UBND phường N có các Công văn: số 365/UBND, số 21/UBND về việc trả hồ sơ hợp thửa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C cho Văn phòng Đ - Chi nhánh T.

- Ngày 12/11/2022, 12/01/2023, ông Trần Đức C phát sinh đơn khiếu nại hành vi từ chối trả hồ sơ của UBND phường N tại Công văn số 21/UBND ngày 24/01/2022.

- Khiếu nại của ông Trần Đức C đã được Chủ tịch UBND phường N thụ lý và giải quyết tại Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 07/4/2023, theo đó không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông C. Khi ông chức khiếu nại lần hai thì Chủ tịch UBND thành phố Q đã có Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông C theo đúng quy định của pháp luật.

* Tại Công văn số 1910/VPĐKĐ-ĐKCGCN ngày 30/7/2024, Người bị kiện Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q trình bày:

Nguồn gốc, quá trình biến động của thửa đất 1387, tờ bản đồ số 1, phường N, thành phố Q:

Ngày 30/12/2005, ông Trần Đức C và bà Huỳnh Thị H1 được UBND thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 1387, tờ bản đồ số 01, bản đồ đo vẽ năm 1993, diện tích 173,3m2 ODT.

Ngày 27/9/2023, ông Trần Đức C nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất nêu trên. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Chi nhánh thành phố Q phối hợp với địa chính phường N và ông Trần Đức C kiểm tra hiện trạng thửa đất số 1387, tờ bản đồ số 1 (bản đồ đo vẽ năm 1993) nay là thửa đất số 165, tờ bản đồ số 23, diện tích 173,3m2 và xác lập hồ sơ chuyển UBND phường N xác nhận theo quy định.

Theo bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ông Trần Đức C yêu cầu đo đạc có một phần diện tích 16,4m2 nằm trong đường đi phía Bắc do UBND Phường N quản lý và được UBND phường N xác nhận tại Biên bản ngày 03/11/2023. Liên quan đến phần diện tích 16,4m2 đất đường đi này đã được

UBND thành phố Q giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 21/8/2023.

Do đó, không có cơ sở để cấp đổi giấy chứng nhận đối với phần đất này cho ông Trần Đức C. Vì vậy, Chi nhánh thành phố Q ban hành Thông báo số 3158/TB-CNTPQN ngày 22/12/2023 về việc trả hồ sơ không giải quyết là có cơ sở.

*Tại Văn bản số 3484/CNTPQN ngày 16/10/2024; số 2833/CNTPQN ngày 05/8/2024, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q – chi nhánh thành phố Q trình bày:

Ngày 30/12/2005, ông Trần Đức C và bà Huỳnh Thị H1 được UBND thành phố Q cấp GCNQSD đất số vào sổ H 00481, thửa số 1387, tờ số 1, đo vẽ năm 1993, diện tích 173,3m2, loại đất ODT.

Ngày 27/7/2015, ông Trần Đức C và bà Huỳnh Thị H1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp GCNQSD đất số vào sổ CH 06568, thửa số 2350, tờ số 1, đo vẽ năm 1993, diện tích 28,4m2, loại đất BHK được chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hằng năm khác sang đất ở đô thị 28,4m2 theo Quyết định số 7056/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của UBND thành phố Q được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Q chỉnh lý ngày 10/01/2017.

Ngày 19/8/2021, Văn phòng Đ Chi nhánh thành phố Q tiếp nhận hồ sơ đề nghị hợp 2 thửa đất trên của ông Trần Đức C nộp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Q, ngày trả kết quả 27/9/2021.

Ngày 31/8/2021, Văn phòng Đ Chi nhánh thành phố Q phối hợp với địa chính phường N kiểm tra hiện trạng thửa đất của ông Trần Đức C, thuộc thửa đất số 165, tờ số 23, diện tích 218,1m2 tăng 16,4m2 so với GCN đã cấp sau khi đo đạc hiện trạng.

Ngày 09/9/2021, Văn phòng Đ - Chi nhánh Q có công văn số 1776/CNTPQN gửi UBND phường N để lấy ý kiến đối với phần diện tích tăng 16,4m2 so với GCN đã cấp sau khi thực hiện hợp thửa.

Ngày 24/01/2022, UBND phường N có công văn số 21/UBND về việc trả hồ sơ hợp thửa của ông Trần Đức C, nội dung: "...Ngày 16/12/2021, UBND phường N nhận đơn tập thể nhân dân (sinh sống trên trục đường hẻm bê tông Khách sạn Đ1, thuộc tổ B; Cho rằng ông Trần Đức C tự ý lấn chiếm, trồng cây, xây dựng đến sát con đường; Hộ nhà dân ông Q (bán cơm) bên hông Khách sạn Đ1 trồng cây H2 sữa sát con đường, làm ảnh hưởng đến tầm nhìn và hạn chế việc lưu thông đi lại của người dân chúng tôi".

Ngày 10/8/2022, UBND phường N có Báo cáo số 141/BC-UBND kết quả thực hiện giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Đức C, phường N, thành phố Q, nội dung: "3. Thực hiện theo văn bản chỉ đạo của UBND thành phố về việc xác minh làm rõ thông tin liên quan đến phần diện tích đất tăng thêm 16,4m2 của ông Trần Đức C, ngày 05/8/2022, UBND phường tổ chức cuộc họp mời một số hộ dân sống gần nhà ông Trần Đức C để xác minh đối với phần diện tích tăng thêm 16,4m2 của ông C. Qua xác minh các hộ dân tham dự cuộc họp đều cho rằng phần diện tích đất tăng 16,4m2 của ông Trần Đức C là đường đi đề nghị cấp thẩm quyền không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Đức C". Do đó, trường hợp của ông chưa đủ điều kiện xem xét giải quyết cấp GCNQSD đất theo quy định. Ngày 16/8/2022, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Q có Thông báo số 1474/TB-CNTPQN trả hồ sơ của ông Trần Đức C.

Ngày 27/9/2023, Văn phòng Đ, Chi nhánh thành phố Q tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp đổi GCNQSD đất cho ông Trần Đức C, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi đối với thửa đất số 1387, tờ bản đồ 1, bản đồ đo vẽ năm 1993, diện tích 173,3m2 ODT do UBND thành phố Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ H00481, ngày 30/12/2005 cho ông Trần Đức C và bà Huỳnh Thị H1.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh thành phố Q phối hợp với địa chính phường N và ông Trần Đức C kiểm tra hiện trạng thửa đất và lập bản mô tả, ranh giới, mốc giới thửa đất thuộc thửa đất số 165, tờ số 23, diện tích 173,3m2 và xác lập hồ sơ chuyển UBND phường N xác nhận theo quy định.

Tại bản mô tả, ranh giới, mốc giới thửa đất được UBND phường N xác nhận, nội dung: "Theo bản mô tả ranh giới, thì ông Trần Đức C yêu cầu đo đạc thửa đất dịch chuyển mốc giới thửa đất về phía Bắc so với mốc giới cũ thửa đất. Trong đó có 16,4m2 đất đường đi là không hợp pháp.

Phần diện tích 16,4m2 đất đường đi này đã được UBND thành phố Q giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 21/8/2023. Do đó, không có cơ sở để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất này cho ông Trần Đức C".

Tại Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, mẫu số 10/ĐK được UBND phường N xác nhận, nội dung: "Ông Trần Đức C yêu cầu đo đạc cấp 16,4m2 đất đường

đi đã được UBND thành phố Q giải quyết tại Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 là không đúng quy định của pháp luật".

Ngày 22/12/2023, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh thành phố Q có Thông báo số 3158/TB-CNTPQN về việc trả hồ sơ không giải quyết theo nội dung xác nhận của UBND phường N xác nhận.

Qua kiểm tra rà soát thì quá trình thụ lý giải quyết hồ sơ của ông Trần Đức C của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh thành phố Q là đúng quy định pháp luật.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H1 trình bày: Bà thống nhất như ý kiến của ông C.

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 22-01-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32, Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; khoản 9 Điều 3, Điều 22, Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 17, Điều 18, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 36, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại, Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức C về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Công văn số 21/UBND ngày 24/01/2022 của UBND phường N về việc trả hồ sơ hợp thửa của ông Trần Đức C.

- Hủy Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của Chủ tịch UBND phường N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Đức C.

- Hủy Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND thành phố Q.

- Tuyên bố hành vi hành chính của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q về việc trả hồ sơ không giải quyết cho ông Trần Đức C tại Thông báo số 3158/TB-CNTPQN ngày 22/12/2023 là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q thực hiện nhiệm vụ công vụ tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 1387, tờ bản đồ số 1, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho ông Trần Đức C theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 13-02-2025, của người khởi kiện ông Trần Đức C kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Nêu lý do kháng cáo là phần diện tích tăng thêm 16,4m2 không liên quan đến phần diên tích 173,3m2 mà ông đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nay ông chỉ cấp đổi lại. Đối với Giấy bán đất của bà N bán thêm cho ông 6m2 vào ngày 30-12-2005 thì đã được bà N điểm chỉ tay, xác nhận lại việc mua bán hai bên là vào thời điểm 02-6-1994, chứ không phải là năm 2005 mới mua bán. Đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, trình bày ý kiến cho rằng ông chỉ cấp đổi lại diệnt ích đất 173,3m2, không liên quan đến phần diện tích tăng thêm 16,4m2 .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: đây là phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ nhất, nhưng người kháng cáo có mặt và đề nghị xét xử, các đương sự khác có đơn xin xét xử vắng mặt. Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung kháng cáo: bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, người kháng cáo không có tài liệu gì mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Bác đơn kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo có mặt, người bị kiện, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Về đối tượng, thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 04/4/2024, ông Trần Đức C có đơn khởi kiện và các đơn khởi kiện bổ sung, ông yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết:

- Hủy Công văn số 21/UBND ngày 24/01/2022 của UBND phường N về việc trả hồ sơ hợp thửa của ông Trần Đức C;

- Hủy Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của Chủ tịch UBND phường N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu;

- Hủy Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND thành phố Q;

- Tuyên bố hành vi hành chính của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q về việc trả hồ sơ không giải quyết cho ông Trần Đức C tại Thông báo số 3158/TB-CNTPQN ngày 22/12/2023 là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q thực hiện nhiệm vụ công vụ tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 1387, tờ bản đồ số 1, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho ông Trần Đức C theo đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy, quyết định hành chính, hành vi hành chính do ông Trần Đức C khởi kiện là quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nguồn gốc các thửa đất, diễn biến quá trình đăng ký biến động

Ngày 08/6/1994, bà Đinh Thị N lập giấy mua bán nhà cho vợ chồng ông Trần Đức C, bà Huỳnh Thị H1 được đăng ký sở hữu nhà ở tại Sở Xây dựng ngày 29/7/1995 với diện tích 120,6m2. Ngày 10/10/1995, bà Đinh Thị N viết giấy tay chuyển nhượng thêm cho ông Trần Đức C, bà Huỳnh Thị H1 với diện tích 49,5m2.

Ngày 16/8/2005, ông Trần Đức C có đơn xin cấp GCNQSD đất đối với diện tích mua của bà Đinh Thị N vào ngày 08/6/1994 và ngày 10/10/1995 và được

UBND thành phố Q cấp GCNQSD đất vào ngày 30/12/2005 thuộc thửa đất số 1387, tờ bản đồ số 01, phường N.

Cùng ngày 10/10/1995, bà Đinh Thị N viết giấy bán đất cho ông Trần Đức C phần đất mương nước phía Tây với diện tích 27m2 và ngày 24/10/2014, ông Trần Đức C có đơn đề nghị cấp GCNQSD đất đối với diện tích này, được UBND thành phố Q cấp GCNQSD đất vào ngày 27/7/2015 thuộc thửa đất 2350, tờ bản đồ số 01, phường N, loại đất trồng cây hàng năm khác, diện tích 28,4m2.

Ngày 20/7/2016, ông Trần Đức C đề nghị chuyển mục đích đối với diện tích 28,4m2, loại đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa đất 2350 sang đất ở đô thị và được UBND thành phố Q chấp thuận tại Quyết định số 7056/QĐ-UBND ngày 18/10/2016, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh – chi nhánh thành phố Q chỉnh lý trang tư GCN.

[3] Xem xét các căn cứ sử dụng đất

Theo tài liệu chứng cứ là giấy tờ mua bán chuyển nhượng của bà Đinh Thị N với ông Trần Đức C vào năm 1994, năm 1995 và 02 lần ông Trần Đức C kê khai đăng ký cấp GCNQSD đất lần đầu vào năm 2005, năm 2014 thì ông Trần Đức C, bà Huỳnh Thị H1 được UBND thành phố cấp Giấy chứng nhận lần đầu vào năm 2005, thửa số 1387, tờ bản đồ số 1, đo vẽ năm 1993, diện tích 173,3m2 và năm 2015, thửa số 2350, tờ bản đồ số 1, đo vẽ năm 1993, diện tích 28,4m2. Tổng diện tích đất được cấp của 02 thửa là 201,7m2 = (173,3m2 + 28,4m2) và theo hồ sơ được cấp GCNQSD đất năm 2005 đối với thửa đất 1387, hồ sơ thiết kế nhà ở năm 2006 thì cạnh mặt tiền phía Đông tiếp giáp với đường Đinh Tiên H3 là 5,5m – 5,6m.

Ngày 19/8/2021, ông Trần Đức C nộp hồ sơ đề nghị hợp 02 thửa đất (thửa số 1387 và thửa số 2350), qua kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của ông Trần Đức C, thuộc thửa đất số 165, tờ bản đồ số 23 (bản đồ đo vẽ năm 2016), theo bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất có tổng diện tích sau khi đo đạc là 218,1m2, tăng 16,4m2 so với tổng diện tích đất được cấp của 02 GCNQSD đất vào năm 2005, năm 2014 là 201,7m2; cụ thể tăng chiều dài, chiều rộng: thửa đất số 1387, tờ bản đồ 01, được cấp Giấy chứng nhận vào năm 2005 có kích thước các cạnh như sau: Cạnh phía Đông có kích thước 6,05m, tăng 0,45m so với diện tích cấp giấy 5,6m và cạnh phía Tây 6,20m, tăng 0,40m so với diện tích cấp giấy 5,8m. Thửa số 2350, tờ bản đồ số 1, đo vẽ năm 1993 được cấp Giấy chứng nhận vào năm 2015 có kích thước các cạnh như sau: Cạnh phía Đông 6,20m, tăng 0,25m so với diện tích cấp giấy 5,95m; cạnh phía Tây 6,52m, tăng 0,07m so với diện tích cấp giấy 6,45m. Kết quả kiểm tra đo đạc thực tế sử dụng đất của 02 thửa đất có kích thước

chiều dài các cạnh như sau: Cạnh phía Nam giáp nhà ông T là 38,92m, tăng so với diện tích cấp Giấy là 0,64m (38,92m - 38,28m); cạnh phía Bắc giáp đường đi là 36,01m, tăng so với diện tích cấp Giấy là 0,38m (35,01m - 34,63m). Do đó, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh thành phố chuyển hồ sơ đến UBND phường N để lấy ý kiến đối với phần diện tích tăng thêm 16,4m2.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ và qua kiểm tra phần diện tích tăng thêm 16,4m2 không có giấy tờ hợp pháp theo quy định của pháp luật đất đai, diện tích tăng thêm nằm ngoài 02 giấy chứng nhận được UBND thành phố cấp cho ông Trần Đức C. Mặt khác, giấy bán đất của bà Đinh Thị N vào ngày 30/12/2005, bán thêm 6m2 chưa được cấp có thẩm quyền xác nhận, thời điểm hợp thửa đất năm 2021 thì bà N đã chết nên không có cơ sở tái xác nhận, nên UBND phường N phải tổ chức họp dân lấy ý kiến là đúng theo quy định tại khoản 4, Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Đồng thời, tại giấy bán đất ghi ngày 30/12/2005, bà Đinh Thị N trình bày: "Tôi tên là: Đinh Thị N, thường trú tại: Tổ D, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Tôi xin trình bày một việc như sau: Vào tháng 06 năm 1994 và ngày 10/10/1995 tôi đã bán cho ông Trần Đức C và bà Huỳnh Thị H1 một lô đất có chiều dài (30,2m + 33,3m) và chiều rộng (5,6m + 5,7m) = 179,39m2 nhưng do lô đất hình thang, đo không chính xác nên tôi viết giấy hai lần chỉ có 173,3m2 còn chênh lệch 6m2. Vậy nay tôi viết giấy bán 6m2 đất này cho ông Trần Đức C và bà Huỳnh Thị Hồng T1 quyền sử dụng"; tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ, giấy tờ chuyển nhượng đất (02 lần) của bà Đinh Thị N với ông Trần Đức C vào năm 1994 với diện tích 120,6m2 và chuyển nhượng thêm vào năm 1995 với diện tích 49,5m2 thì tổng diện tích của 02 lần chuyển nhượng là 170,1m2, ông Trần Đức C kê khai đăng ký cấp GCNQSD đất lần đầu được UBND thành phố cấp Giấy chứng nhận lần đầu vào ngày 30/12/2005, thửa số 1387, tờ bản đồ số 1, đo vẽ năm 1993, diện tích 173,3m2, tăng so với nhận chuyển nhượng là 3,2m. Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận năm 2005 (gồm: biên bản đo đạc hiện trạng - ông C ký xác nhận; sơ đồ thửa đất trích do trên thực địa; trích lục bản đồ địa chính vị trí cấp Giấy CNQSD đất) đều thể hiện cạnh mặt tiền phía Đông tiếp giáp với đường Đinh Tiên H3 là 5,6m (tính từ cạnh nhà ông T đến đường đi) phù hợp với giấy tờ chuyển nhượng của bà N với ông C vào ngày 10/10/1995,

Theo giấy bán đất ngày 30/12/2005 ghi: "chiều dài (30,2m + 33,3m) và chiều rộng (5,6m + 5,7m) = 179,39m2 nên cho rằng việc viết giấy bán đất trước đây là 173,3m2, còn chênh lệnh 6m2 nên viết giấy bán tiếp, đây là cách cộng nhân phổ thông, chứ theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận vào năm 2005 cho ông C

thể hiện chiều dài (30,1m + 33,3m) và chiều rộng (5,6m + 5,8m) nếu cộng, nhân như cách tính trên thì tổng diện tích 180,69m2, chênh lệnh 7,39m2 chứ không phải chênh lệch 6m2 như giấy viết bán đất ngày 30/12/2005. Cũng tại biên bản làm việc ông Nguyễn D (G), ông D khẳng định không viết giấy bán đất ngày 30/12/2005, mà cho rằng giấy bán đất này do ông C viết sẵn, mang đến cho ông ký và ông ký vào năm 2021, lúc này bà N đã chết.

Như vậy, căn cứ vào hồ sơ cấp GCNQSD đất, kết quả đo đạc thực tế tại thửa đất 1387, 2350 của ông Trần Đức C tại thời điểm ông đề nghị hợp thửa đất có diện tích tăng là 16,4m2 nên việc UBND phường N tổ chức họp lấy ý kiến Khu dân cư và ban hành Công văn số 21/UBND ngày 24/01/2022 với nội dung chưa đủ cơ sở xác nhận hồ sơ hợp thửa cho ông Trần Đức C là đúng với hiện trạng thửa đất đề nghị hợp thửa, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Do UBND phường N ban hành Công văn số 21/UBND ngày 24/01/2022 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Chủ tịch UBND phường N ban hành quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Trần Đức C, không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Trần Đức C đối với Công văn số 21/UBND ngày 24/01/2022; Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Các Quyết định hành chính đúng quy định pháp luật nên bản án án hành chính của Toà án cấp cơ sở bác yêu cầu khởi kiện là có căn cứ.

[4] Xem xét hành vi hành chính của Văn phòng đăng ký đất:

Ngày 27/9/2023, ông Trần Đức C đề nghị cấp đổi GCNQSD đất đối với thửa đất 1387, tờ bản đồ số 01, phường N. Tại thời điểm ông Trần Đức C nộp hồ sơ Văn phòng Đ Chi nhánh thành phố Q đã chuyển hồ sơ đến UBND phường N để thực hiện theo thẩm quyền. Tại bản mô tả, ranh giới, mốc giới thửa đất được UBND phường N xác nhận, nội dung: "Theo bản mô tả ranh giới, thì ông Trần Đức C yêu cầu đo đạc thửa đất dịch chuyển mốc giới thửa đất về phía Bắc so với mốc giới cũ thửa đất. Trong đó có 16,4m2 đất đường đi là không hợp pháp. Phần diện tích 16,4m2 đất đường đi này đã được UBND thành phố Q giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 21/8/2023. Do đó, không có cơ sở để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất này cho ông Trần Đức C".

Tại Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, mẫu số 10/ĐK được UBND phường N xác nhận, nội dung: "Ông Trần Đức C yêu cầu đo đạc cấp 16,4m2 đất đường đi đã được UBND thành phố Q giải quyết tại Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 là không đúng quy định của pháp luật".

Do đó, ngày 22/12/2023, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh thành phố Q có Thông báo số 3158/TB-CNTPQN về việc trả hồ sơ không giải quyết theo nội dung xác nhận của UBND phường N xác nhận cho ông Trần Đức C đúng quy định của pháp luật.

[5] Từ những nhận định trên, Bản án hành chính sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật, người kháng cáo không có tài liệu chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Về án phí phú thẩm, ông Trần Đức C là người cao tuổi, thuộc đối tượng miễn án phí nên được xét miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tố tụng hành chính; Bác kháng cáo của ông Trần Đức C và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 22-01-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm ông Trần Đức C được miễn nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao- Vụ III;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Long